

HƯỚNG DẪN CHẤM THI

(Bản hướng dẫn chấm gồm 02 trang)

I. Hướng dẫn chung

1) Thí sinh trả lời theo cách riêng nhưng đáp ứng được yêu cầu cơ bản như trong hướng dẫn chấm thì vẫn cho đủ điểm như hướng dẫn quy định.

2) Việc chi tiết hoá điểm số (nếu có) so với biểu điểm phải đảm bảo không sai lệch với hướng dẫn chấm và được thống nhất trong Hội đồng chấm thi.

3) Sau khi cộng điểm toàn bài, làm tròn đến 0,50 (lẻ 0,25 làm tròn thành 0,50; lẻ 0,75 làm tròn thành 1,00).

II. Đáp án và thang điểm

Đáp án		Điểm
I. PHẦN DÀNH CHO TẤT CẢ THÍ SINH (7,0 điểm)		
Câu 1. (3,0 đ)	Trình bày nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam.	
	a. Nguyên nhân	
	- Dân tộc Việt Nam có truyền thống yêu nước, từng trải qua những cuộc đấu tranh kiên cường, bất khuất cho độc lập tự do.	0,50
	- Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng Cộng sản Đông Dương do Hồ Chí Minh đứng đầu. Đảng đã có quá trình chuẩn bị lâu dài, chu đáo, đúc rút kinh nghiệm qua đấu tranh.	0,50
	- Trong những ngày khởi nghĩa, toàn Đảng, toàn dân quyết tâm giành độc lập; các cấp bộ Đảng và Việt Minh chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo, chớp đúng thời cơ.	0,25
	- Chiến thắng của Hồng quân Liên Xô và quân Đồng minh trong cuộc chiến tranh chống phát xít đã cổ vũ tinh thần, củng cố niềm tin cho nhân dân ta, tạo thời cơ để nhân dân ta đứng lên Tổng khởi nghĩa.	0,50
	b. Ý nghĩa	
	- Mở ra bước ngoặt lớn trong lịch sử dân tộc, phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp – Nhật, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.	0,50
	- Mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc: kỉ nguyên độc lập, tự do, nhân dân nắm chính quyền, làm chủ đất nước.	0,25
	- Đảng Cộng sản Đông Dương trở thành một đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo.	0,25
	- Góp phần vào thắng lợi của cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa phát xít; cổ vũ các dân tộc thuộc địa đấu tranh tự giải phóng.	0,25
Câu 2. (4,0 đ)	Nêu nội dung cơ bản của Hiệp định Pari năm 1973 về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Hiệp định trên đã tạo điều kiện thuận lợi gì để nhân dân ta tiếp tục đấu tranh giải phóng hoàn toàn miền Nam?	
	a. Nội dung	
	- Hoa Kỳ và các nước cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.	0,75
	- Hai bên ngừng bắn ở miền Nam, Hoa Kỳ cam kết chấm dứt mọi hoạt động quân sự chống miền Bắc Việt Nam.	0,50
	- Hoa Kỳ rút hết quân đội của mình và quân các nước đồng minh, hủy bỏ các căn cứ quân sự, cam kết không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.	0,50

	- Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của họ thông qua tổng tuyển cử tự do, không có sự can thiệp của nước ngoài.	0,50
	- Các bên thừa nhận thực tế miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát và ba lực lượng chính trị.	0,25
	- Hai bên trao trả tù binh và dân thường bị bắt.	0,25
	- Hoa Kỳ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, thiết lập quan hệ bình thường cùng có lợi với Việt Nam.	0,25
	b. Điều kiện thuận lợi...	
	- Mĩ phải công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta, chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.	0,50
	- Mĩ rút hết quân về nước, làm thay đổi tương quan lực lượng ở miền Nam có lợi cho ta.	0,50
II. PHẦN RIÊNG - PHẦN TỰ CHỌN (3,0 điểm)		
Câu 3.a (3,0 đ)	Nêu tình hình kinh tế, khoa học – kỹ thuật của nước Mĩ trong giai đoạn 1945 – 1973. Việc áp dụng những thành tựu khoa học – kỹ thuật hiện đại có tác dụng gì đối với sự phát triển của nền kinh tế Mĩ?	
	a. Tình hình kinh tế, khoa học – kỹ thuật	
	- Về kinh tế:	
	+ Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, nền kinh tế Mĩ phát triển mạnh mẽ.	0,75
	+ Khoảng 20 năm sau chiến tranh, Mĩ trở thành trung tâm kinh tế – tài chính lớn nhất thế giới.	0,50
	- Về khoa học – kỹ thuật: Mĩ là nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học – kỹ thuật hiện đại và đã đạt được nhiều thành tựu lớn.	0,75
	b. Tác dụng...	
	Việc áp dụng những thành tựu khoa học – kỹ thuật có tác dụng:	
	- Tăng năng suất lao động	0,50
	- Hạ giá thành sản phẩm	0,25
	- Điều chỉnh hợp lý cơ cấu sản xuất	0,25
Câu 3.b (3,0 đ)	Trình bày nội dung các chiến lược phát triển kinh tế của nhóm năm nước sáng lập ASEAN sau khi giành được độc lập đến năm 2000. Vì sao từ những năm 60 – 70 của thế kỷ XX, các nước này có sự chuyển hướng trong chiến lược phát triển kinh tế?	
	a. Nội dung các chiến lược phát triển kinh tế	
	- Chiến lược kinh tế hướng nội:	
	+ Sau khi giành được độc lập, nhóm năm nước sáng lập ASEAN thực hiện chiến lược kinh tế hướng nội.	0,25
	+ Đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nội địa thay thế nhập khẩu, lấy thị trường trong nước làm chỗ dựa để phát triển sản xuất.	0,75
	- Chiến lược kinh tế hướng ngoại:	
	+ Từ những năm 60 – 70 của thế kỷ XX, các nước này chuyển sang chiến lược kinh tế hướng ngoại.	0,25
	+ Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo – “mở cửa” nền kinh tế, thu hút vốn đầu tư và kỹ thuật nước ngoài, tập trung sản xuất hàng hóa để xuất khẩu, phát triển ngoại thương.	0,75
	b. Vì sao có sự chuyển hướng...	
	- Khi thực hiện chiến lược kinh tế hướng nội đã bộc lộ một số hạn chế: thiếu nguồn vốn, nguyên liệu và công nghệ...	0,75
	- Để khắc phục những hạn chế trên và thúc đẩy kinh tế phát triển, các nước này đã chuyển hướng sang chiến lược kinh tế hướng ngoại.	0,25

-----Hết-----